

Án số: 109/2019/HS-ST
Ngày 19 - 7- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đức

Bà Phạm Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lương Duy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình. Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2019/TLST-HS ngày 29/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/QĐXX-HS ngày 04/7/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1952; có vợ là chị Bùi Thị N, sinh năm 1985 và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 02 ngày 12/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình về việc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 12/02/2019; nhân thân: Tháng 3/2002 đến tháng 01/2004 tham gia nghĩa vụ quân sự; bị tạm giữ từ ngày 30/3/2019, tạm giam từ ngày 02/4/2019 đến nay, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn N**, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Quang V, sinh năm 1955 và bà Bùi Thị M, sinh năm 1956; có vợ là chị Phạm Thị M,

sinh năm 1981 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 31/3/2019, tạm giam từ ngày 03/4/2019 đến nay, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

* Người chứng kiến:

- Ông Bùi Gia T, sinh năm 1950, nơi cư trú: Số nhà 26/05, tổ 26, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt);

- Ông Tống Gia N, sinh năm 1952, nơi cư trú: số nhà 100, phố V, tổ 22, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, tại khu vực ngõ 02, đường C, tổ 49, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình tổ công tác Công an phường Q, thành phố B phát hiện Nguyễn Văn T điều khiển xe máy Hon da hiệu Wave RS, biển số 17K7-5636 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của người chứng kiến, bị cáo Nguyễn Văn T tự giác giao nộp từ lòng bàn tay trái của mình cho tổ công tác 01 gói bên ngoài gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, mở kiểm tra bên trong có chất bột màu trắng dạng cục, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận đó là Hêrôin của bị cáo và bị cáo Trần Văn N góp chung mua tiền để cùng nhau sử dụng. Tổ công tác niêm phong vật chứng, mời người chứng kiến và yêu cầu bị cáo T đưa xe mô tô và về trụ sở Công an phường Q, thành phố B để làm việc. Tại trụ sở Công an phường kiểm tra người bị cáo T, tổ công tác thu tại túi quần bên trái của bị cáo T 01 điện thoại hiệu Iphone 5 màu trắng, kiểm tra xe mô tô do bị cáo điều khiển không phát hiện thu giữ gì. Tại đây, bị cáo T khai nguồn gốc có số Hêrôin trên là do trước đó khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo T đến nhà bị cáo Trần Văn N, rủ bị cáo N là mỗi người góp 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng chung, bị cáo N đồng ý nên bị cáo T chở bị cáo N đi mua ma túy. Khi đi đến nghĩa trang xã V, thành phố B thì bị cáo N bảo bị cáo T dừng xe, bị cáo N đưa cho bị cáo T 02 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 50.000 đồng để bị cáo T đi mua ma túy còn bị cáo N đứng lại chờ. Bị cáo T điều khiển xe đi đến khu vực chợ Q, tổ 50, phường Q, thành phố B đã gặp và mua của một người đàn ông khoảng 30 tuổi (không biết tên, địa chỉ) số tiền 200.000 đồng được 01 gói hêrôin bên ngoài gói bằng giấy trắng có dòng kẻ. Bị cáo T cầm gói ma túy vừa mua được trong lòng bàn tay trái của mình, điều khiển xe quay lại đón bị cáo N thì trên đường đi bị Công an phát hiện bắt quả tang. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản quản lý niêm phong vật chứng để điều tra, xử lý.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã triệu tập bị cáo Trần Văn N đến làm việc. Tại cơ quan điều tra Bị cáo N khai nhận: Ngày 30/3/2019, bị cáo đã góp 100.000 đồng cùng với bị cáo Nguyễn Văn T để mua ma túy về sử

dùng chung. Cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo Trần Văn N tài sản, giấy tờ gồm: 01 điện thoại di động Masstel A266 màu đen; 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn N; 01 ví giả da màu đen và số tiền 67.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 99/KLGD-PC09 ngày 31/03/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Chất bột màu trắng dạng cục trong phong bì niêm phong ghi “Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn T” là ma túy, loại Hêrôin có khối lượng 0,1316 gam(*không thấy một nghìn ba trăm mười sáu gam*).

Tại cơ quan điều tra người chứng kiến: Ông Bùi Gia T, ông Tống Gia N khai như sau: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, tại khu vực ngõ 02, đường Hoàng Công Chất, tổ 49, phường Q, thành phố B, các ông chứng kiến sự việc sau: Các đồng chí Công an phường Q, thành phố B, yêu cầu đối tượng có tên là Nguyễn Văn T dừng lại để kiểm tra. Đối tượng Nguyễn Văn T tự giác đưa từ lòng bàn tay trái cho các đồng chí Công an 01 gói bên ngoài gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, mở kiểm tra bên trong có chất bột màu trắng dạng cục, đối tượng khai nhận đó là Hêrôin do bản thân đối tượng và một người khác có tên Trần Văn N cùng góp tiền mua để sử dụng chung. Các đồng chí Công an niêm phong vật chứng, mời các ông và yêu cầu đối tượng Nguyễn Văn T đưa xe mô tô về trụ sở Công an phường Q, thành phố B để làm việc. Tại trụ sở Công an phường, các đồng chí Công an kiểm tra người đối tượng Nguyễn Văn T đã thu giữ 01 điện thoại hiệu Iphone 5 màu trắng, kiểm tra xe mô tô do đối tượng Nguyễn Văn T điều khiển không phát hiện thu giữ gì.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 114/CT - VKSTP ngày 29/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, tại khu vực ngõ 02, đường Hoàng Công Chất, tổ 49, phường Q, thành phố B, các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Văn N có hành vi cùng nhau góp tiền để mua 0,1361 gam ma túy loại Hêrôin về sử dụng chung thì bị phát hiện. Kiểm sát viên phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, không có chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng ~~trên~~ ^{đồng} thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 30/3/2019.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 31/3/2019.

2.3. Các bị cáo đều là những người nghiện ma túy, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị xử lý vật chứng bằng hình thức: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ của bị cáo T hoàn lại sau giám định; Đối với các tài sản gồm: 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng quản lý của bị cáo T; 01 điện thoại di động Masstel A266 màu đen, 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn N, 01 ví giả da màu đen và số tiền 67.000 đồng quản lý của bị cáo N. Xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N xác định cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng tội, đúng pháp luật vì vậy bị cáo không trình bày lời bào chữa cũng như không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Kết thúc phần tranh luận các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Các tài liệu, chứng cứ do Điều tra viên và Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và đó là các tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho hành vi phạm tội của các bị cáo. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và cơ quan điều tra thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với

nhau đó là chính là chứng cứ để buộc tội cho nhau. Lời khai đó còn phù hợp với Cáo trạng đã truy tố, đồng thời còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường Q, thành phố B lập hồi 19 giờ 40 phút ngày 30/3/2019, tại trụ sở Công an phường Q, thành phố B; Biên bản niêm phong vật chứng do Công an phường Q, thành phố B lập hồi 20 giờ 40 phút ngày 30/3/2019 tại trụ sở Công an phường Q, thành phố B; Bản kết luận giám định số 99/KLGD-PC09 ngày 31/03/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Lời khai của người chứng kiến là ông Bùi Gia T, ông Tống Gia N; cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, tại khu vực ngõ 02, đường Hoàng Công Chất, tổ 49, phường Q, thành phố B, tỉnh Thái Bình, bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi tàng trữ trên người 0,1361 gam ma túy loại Hêrôin do trước đó hai bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N góp tiền mua chung để sử dụng chung thì bị Công an phường Q, thành phố B phát hiện bắt quả tang. Các bị cáo là người trưởng thành, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, các bị cáo phải nhận thức rõ các tác hại do ma túy gây ra cũng như phải hiểu được quy định của pháp luật về việc nghiêm cấm đối với mọi hành vi liên quan đến ma túy, song để đạt được mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo tàng trữ ma túy loại Hêrôin có khối lượng 0,1361 gam phù hợp với khối lượng ma túy cấu thành cơ bản của tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Điều 249 - Tội tàng trữ trái phép chất ma túy: “1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...; c) Hêrôin, Côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”. Như vậy, hành vi của các bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã cố ý xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy, đe dọa nghiêm trọng đến an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe của con người cũng như ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Xét nguyên nhân và điều kiện để thực hiện hành vi phạm tội là nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên các bị cáo không tuân thủ pháp luật. Vì vậy cần xét xử các bị cáo nghiêm minh bằng pháp luật. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì các bị cáo không bàn bạc, không có sự câu kết chặt chẽ từ trước mà cùng nhau thực hiện với vai trò thực hành. Tuy nhiên mức độ thực hiện tội phạm, nhân thân và khả năng nhận thức tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của các bị cáo là khác nhau, vì vậy Hội đồng xét xử cần đánh giá vai trò của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo T là người rủ rê bị cáo N góp tiền mua ma túy, là người trực tiếp mua

ma túy và bản thân có 01 tiền sự: tháng 02/2018 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, vừa chấp hành xong tháng 02/2019 thì đến ngày 30/3/2019 thực hiện hiện hành vi phạm tội cho nên bị cáo xếp vai trò thứ nhất trong vụ án và phải chịu mức hình phạt cao hơn; bị cáo N là người tiếp nhận ý chí của bị cáo T đã góp tiền để bị cáo T mua ma túy về sử dụng chung nên xếp vai trò xếp thứ hai, mức hình phạt áp dụng thấp hơn bị cáo T.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; bị cáo T có nhân thân xấu nên cần xem xét khi quyết định hình phạt. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 bộ luật hình sự; bị cáo N được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình.

[5]. Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là phạt tù có thời hạn - buộc các bị cáo cách ly ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo hiệu quả của việc cải tạo, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định và nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về nguồn gốc số ma túy. Bị cáo Nguyễn Văn T khai mua của một người đàn ông khoảng 30 tuổi không biết tên, địa chỉ tại khu vực chợ Q, tổ 50, phường Q, thành phố B nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xử lý là phù hợp.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy loại Hêrôin do các bị cáo tàng trữ là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Wave RS biển số 17K7-5636, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị N, sinh năm 1986, trú tại: thôn T, xã V, huyện X, tỉnh Thái Bình, chị N không biết bị cáo Nguyễn Văn T sử dụng đi mua ma túy và có đơn xin lại tài sản. Ngày 10/5/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả chiếc xe máy trên cho chị Bùi Thị N, chị N đã nhận lại tài sản và không có ý kiến, đề nghị gì về dân sự nên không phải giải quyết tại bản án này.

[8]. Về tài sản khác: 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng quản lý của bị cáo T; 01 điện thoại di động Masstel A266 màu đen, 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn N, 01 ví giả da màu đen và số tiền 67.000 đồng quản lý của bị cáo N. Xét không liên quan đến hành vi phạm tội và tại phiên tòa các bị cáo có nguyện vọng xin lại tài sản cho nên cần tuyên trả lại cho các bị cáo nhưng giao cho cơ quan Thi hành án dân sự tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[9]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 30/3/2019.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 01 (một) năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 31/3/2019.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tịch thu tiêu huỷ số ma túy loại Hêrôin còn lại sau giám định và bao gói thu của bị cáo Nguyễn Văn T.

4. Tài sản khác: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại hiệu Iphone 5 màu trắng; trả lại cho bị cáo Trần Văn N: 01 điện thoại di động Masstel A266 màu đen, 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Văn N, 01 ví giả da màu đen và số tiền 67.000 đồng nhưng giao cho cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tang vật có đặc điểm ghi tại: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 30/3/2019; Biên bản kiểm tra giữa người trong trường hợp khẩn cấp ngày 31/3/2019; Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/5/2019 và Biên lai thu tiền số 0001463 ngày 29/5/2019 giữa công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

4. Án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/7/2019.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKS tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hân